TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Ông Phạm Sơn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: không.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc Th, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 17, đường NT, phường A, quận GV, thành phố HCM.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: số nhà 266, tổ 01, ấp GTD, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG.

Ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải về con chung trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quốc Th trình bày: Vào năm 1996, ông Th và bà H do tự tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống như vợ chồng tại thành phố HCM, không đăng ký kết. Thời gian ông Th và bà H chung sống, ông Th đã đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1957 (bà Ng đã chết ngày 05/4/2011 theo giấy chứng tử số 99, ngày 18/3/2019 của UBND phường 1, quận PN, thành phố HCM). Thời gian đầu, ông

Th, bà Ng và bà H chung sống hòa đồng, không cãi vã nhau, bà Ng không ngăn cản. Đến đầu năm 2012, ông Th và bà H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và sống xa nhau từ tháng 6/2012 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không thể hàn gắn nên ông Th yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Th và bà H có 02 con chung tên Trần Quốc CT, sinh ngày 20/7/2000 và Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003. Cháu Trần Quốc CT đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Th yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải về con chung trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như ông Th trình bày. Thời gian bà H và ông Th chung sống, ông Th đã đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1957 (bà Ng đã chết). Bà H và ông Th không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông Th và bà H chung sống hạnh phúc, bà Ng (vợ ông Th) không ngăn cản, chúng tôi (Th – H, Ng) chung sống hòa đồng. Đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau và sống xa nhau từ tháng 6/2012 cho đến nay. Bà H đồng ý ly hôn với ông Trần Quốc Th. Trong thời gian, bà H chung sống với ông Th có được 02 con chung, Bà H đồng ý giao con chung tên MT cho ông Th nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung; Trần Quốc CT đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; không hòa giải về tình cảm do ông Th và bà H không đăng ký kết hôn;

- Tại phiên tòa, Ông Th và bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử, công bố lời khai ngày 27/3/2019 của cháu Trần Quốc MT; cháu có nguyện vọng được sống chung với ông Th (cha) đã lo cho các cháu ăn học, cuộc sống ổn định.

Đồng thời, công bố Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 232/UBND-XNTTHN ngày 18/3/2019 của UBND phường 03, quận GV, thành phố HCM về việc ông Th có đăng ký kết hôn, nhưng vợ là Hoàng Thị Bích Ng chết ngày 05/4/2011 theo giấy chứng tử số 99, ngày 18/3/2019 của UBND phường 1, quận PN, thành phố HCM. Hiện tại ông Th chưa đăng ký kết hôn với ai (do ông Th cung cấp cho Tòa án) và Đơn xin xác nhận ngày 12/3/2019 về việc bà H và ông Th không đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thị xã TC, tỉnh AG (do bà H cung cấp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

- Về thẩm quyền: Ông Trần Quốc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị H. Bà H có nơi cư trú: số nhà 266, tổ 01, ấp GTD, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1996, ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H tự chung sống như vợ chồng tại thành phố HCM, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết. Thời gian ông Th và bà H chung sống, ông Th đã đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1957 (bà Ng đã chết ngày 05/4/2011 theo giấy chứng tử số 99, ngày 18/3/2019 của UBND phường 1, quận PN, thành phố HCM). Thời gian đầu, ông Th, bà Ng và bà H chung sống hòa đồng, không cãi vã nhau, bà Ng (vợ ông Th) không ngăn cản. Ông Th và bà H đã vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định tại Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà Hoàng Thị Bích Ng chết ngày 05/4/2011 (theo giấy chứng tử số 99, ngày 18/3/2019 của UBND phường 1, quận PN, thành phố HCM). Sau khi bà Ng chết, ông Th và bà H tiếp tục chung sống, đến năm 2012, ông Th và bà H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau và sống xa nhau từ tháng 6 năm 2012 cho đến nay.

Theo xác nhận Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 232/UBND-XNTTHN ngày 18/3/2019 của UBND phường 03, quận GV, thành phố HCM, ông Th có đăng ký kết hôn nhưng vợ là Hoàng Thị Bích Ng chết ngày 05/4/2011 theo giấy chứng tử số 99, ngày 18/3/2019 của UBND phường 1, quận PN, thành phố HCM. Hiện tại ông Th chưa đăng ký kết hôn với ai (do ông Th cung cấp cho Tòa án) và Đơn xin xác nhận ngày 12/3/2019 về việc bà H và ông Th không đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thị xã TC, tỉnh AG (do bà H cung cấp).

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với*

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng".

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Sau khi bà Ng chết ông Th và bà H chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai bị đơn, biên bản hòa giải về con chung và tại phiên toà, ông Th và bà H đồng thống nhất khai có 02 (hai) con chung tên Trần Quốc CT, sinh ngày 20/7/2000 và Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003. Cháu Trần Quốc CT đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Th yêu cầu được nuôi dạy con chung tên MT, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/3/2019, cháu MT có nguyện vọng sống chung với ông Th, cháu được ăn học và có cuộc sống ổn định. Bà H đồng ý giao con chung tên MT cho ông Th nuôi dạy là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Ông Trần Quốc Th được nuôi dạy cháu Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị Huê trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, ông Thái và bà Huệ đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H có 02 con chung tên: Trần Quốc CT, sinh ngày 20/7/2000 (đã trưởng Thành và có khả năng lao động) và Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003.

Ông Trần Quốc Th được nuôi dạy cháu Trần Quốc MT, sinh ngày 18/02/2003 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Quốc Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trần Thị H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Quốc Th phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0001735 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Ông Th đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Trần Quốc Th và bà Trần Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết